

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG LAND



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN BCG LAND**

TP. Hồ Chí Minh, tháng....năm 2022



TP. Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm 2022

Số:/2022/QĐ-HĐQT-BCGL

QUYẾT ĐỊNH

*V/v: Ban hành Quy chế Công bố thông tin (sửa đổi, ban hành lần thứ hai)
tại Công ty cổ phần BCG Land*

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BCG LAND

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần BCG Land (sửa đổi, bổ sung lần thứ 09) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/08/2022;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2022/NQ-ĐHĐCĐ-BCGL ngày .../.../2022.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế Công bố thông tin tại Công ty cổ phần BCG Land (sửa đổi, ban hành lần thứ hai).**
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 17/2022/QĐ-HĐQT-BCGL ban hành ngày 19/05/2022.
- Điều 3.** Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần BCG Land chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VP. HĐQT, P. HTKD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Hồ Nam

NỘI DUNG

Chương I.....	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Chữ viết tắt trong Quy chế.....	4
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	5
Điều 4. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin	6
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	6
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	6
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin	7
Điều 8. Trách nhiệm của Người công bố thông tin	7
Điều 9. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan.....	7
Chương II.....	7
CÁC LOẠI THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ	7
Điều 10. Công bố thông tin của Công ty	7
Chương III	8
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	8
Điều 11. Hiệu lực thi hành.....	8



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BCG LAND

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2022/QĐ-HĐQT-BCGL ngày .../.../2022
của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần BCG Land)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần BCG Land trên thị trường chứng khoán.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các đối tượng sau:
 - a) Các phòng ban liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin thuộc Công ty Cổ phần BCG Land ("**Công ty**" hoặc "**BCG Land**");
 - b) Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban/bộ phận kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin (sau đây gọi chung là "**Người nội bộ**") và người có liên quan của Người nội bộ;
 - c) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

Để làm rõ, tại Quy chế này, "**Người có liên quan**" là tổ chức hoặc cá nhân có quan hệ với nhau thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Điều 2. Chữ viết tắt trong Quy chế

- BDH: Ban điều hành.
- SGDCK: Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam

- TTCK: Thị trường chứng khoán
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- TCTLKCK: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- CBTT: Công bố thông tin
- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
- Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
- Thông tư 96: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy chế này và theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin liên quan đến thông tin cá nhân như: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân, tổ chức đó đồng ý. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân nêu trên và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGĐCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGĐCK thực hiện công khai thông tin.
2. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này khi CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung đã thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng CBTT khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo cho UBCKNN và SGĐCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu trữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện

từ của đối tượng CBTT tối thiểu 05 (năm) năm;

- b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 (năm) năm.

Điều 4. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin

1. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.
2. Đối với thông tin công bố bằng tiếng Anh, nội dung công bố thông tin bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố thông tin bằng tiếng Việt đã công bố, trong đó nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin (sau đây gọi chung là "**Người công bố thông tin**") của Công ty chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của BDH có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của BDH phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.
3. Công ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về Người công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT theo quy định tại Thông tư 96.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

1. Phương tiện công bố thông tin:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
 - b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
 - d) Trang thông tin điện tử của TCTLKCK;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).
2. Người công bố thông tin và các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, CBTT tại khoản 1 nêu trên phải đảm bảo nguyên tắc:
 - a) Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT;
 - b) Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và/hoặc TCTLKCK.

3. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng: Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác...liên quan đến nội dung CBTT của Công ty phải là thông tin đã được BDH Công ty phê duyệt.
4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
5. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...)
2. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Người công bố thông tin

1. Người công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.
2. Người công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT một cách cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm, khẩn cấp.

Điều 9. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan

1. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này.
2. Trưởng các Phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người công bố thông tin.
3. Việc CBTT liên quan đến HĐQT/BĐH thì Thư ký HĐQT/BĐH chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT và cung cấp thông tin cho Người công bố thông tin.

Chương II

CÁC LOẠI THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ

Điều 10. Công bố thông tin của Công ty

1. Công ty thực hiện công bố thông tin trong các trường hợp sau:
 - a) Công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Mục I – Phụ Lục A đính kèm Quy chế này;

- b) Công bố thông tin bất thường theo quy định tại Mục II – Phụ Lục A đính kèm Quy chế này;
 - c) Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Mục III – Phụ Lục A đính kèm Quy chế này;
 - d) Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng theo quy định tại Mục IV – Phụ Lục A đính kèm Quy chế này.
- 2. Công bố thông tin của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ Lục B đính kèm Quy chế này.
 - 3. Biểu mẫu công bố thông tin được quy định tại Phụ Lục C đính kèm Quy chế này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần BCG Land bao gồm III chương, 11 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Hồ Nam